

Cải thiện môi trường kinh doanh thông qua nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo

Vũ Văn Hưng¹, Lê Tuấn Hà²

¹Bộ KH&CN

²Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ KH&CN

Chính phủ đã đề ra các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó có chỉ số đổi mới sáng tạo (ĐMST)^{*}, cụ thể: Đến năm 2020, các chỉ số ĐMST đạt trung bình ASEAN 5 (gồm 5 nước: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và Indonesia) và chỉ số ĐMST trung bình giai đoạn 2017-2020 xếp thứ 44. Theo Báo cáo về chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) 2017 được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Trường Đại học Cornell và Viện Nghiên cứu INSTEAD công bố ngày 15/6/2017 thì Việt Nam xếp thứ 47/127 quốc gia, nền kinh tế, tăng 12 bậc so với năm 2016. Nếu chúng ta tiếp tục quyết tâm cải thiện các nhóm chỉ số, đặc biệt là chỉ số đầu vào nhằm xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động và phục vụ thì mục tiêu của Chính phủ sẽ đảm bảo được thực hiện.

Về GI năm 2017

GI được xây dựng dựa trên 2 nhóm chỉ số phụ đầu vào và đầu ra ĐMST, với tổng cộng 81 thông số. Nhóm chỉ số phụ đầu vào ĐMST bao gồm 5 trụ cột là: Thể chế; nguồn nhân lực và nghiên cứu; cơ sở hạ tầng; trình độ phát triển của thị trường; trình độ phát triển của kinh doanh. Nhóm chỉ số phụ đầu ra ĐMST bao gồm 2 trụ cột là: Sản phẩm kiến thức và công nghệ; sản phẩm sáng tạo.

Mỗi trụ cột của chỉ số phụ đầu vào và đầu ra ĐMST lại bao gồm nhiều nhóm chỉ số khác nhau. Các trụ cột đó được mô tả như sau: 1) *Thể chế* bao gồm nhóm chỉ số về môi trường chính trị,

môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh (với các chỉ số cụ thể như sự ổn định chính trị, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng của các quy định pháp luật, sự thuận lợi trong khởi nghiệp...); 2) *Nguồn nhân lực và nghiên cứu* bao gồm nhóm chỉ số về giáo dục, giáo dục đại học, nghiên cứu và phát triển (với các chỉ số cụ thể như tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo/GDP, số sinh viên đại học/1.000 dân, số học viên sau đại học trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kỹ thuật/1.000 dân, số cán bộ nghiên cứu/1.000 dân, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển/GDP, chất lượng (xếp hạng) của các tổ chức KH&CN...); 3) *Cơ sở hạ tầng* bao gồm các nhóm chỉ số công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng chung, bền vững sinh thái (với các chỉ số cụ thể như tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), sử dụng ICT,

chính phủ điện tử, năng lượng, số giấy chứng nhận ISO 14001...); 4) *Trình độ phát triển của thị trường* bao gồm các nhóm chỉ số về tín dụng, đầu tư, thương mại - cạnh tranh - quy mô thị trường (với các chỉ số cụ thể như sự thuận lợi để nhận được tín dụng, bảo vệ các nhà đầu tư, giá trị giao dịch cổ phiếu, vốn đầu tư mạo hiểm, thuế quan...); 5) *Trình độ phát triển của kinh doanh* bao gồm các nhóm chỉ số về lao động có kiến thức, liên kết sáng tạo, hấp thụ tri thức (với các chỉ số cụ thể như trình độ chuyên môn của người lao động, doanh nghiệp đào tạo cán bộ, doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu và phát triển, sự gắn kết của doanh nghiệp với tổ chức KH&CN, nhập khẩu công nghệ cao...); 6) *Sản phẩm kiến thức và công nghệ* bao gồm các nhóm chỉ số về sáng tạo tri thức, tác động của tri thức, lan tỏa tri thức (với

^{*}Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

các chỉ số cụ thể như số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ, số bài báo khoa học, công nghệ và kỹ thuật, số doanh nghiệp mới/1.000 dân, số chứng nhận ISO 9001, xuất khẩu công nghệ cao...); 7) *Sản phẩm sáng tạo* bao gồm các nhóm chỉ số như tài sản vô hình, sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, sáng tạo trực tuyến (với các chỉ số cụ thể như số nhãn hiệu hàng hóa thương mại, các dịch vụ văn hóa và sáng tạo, sáng tạo các mô hình kinh doanh và ICT...).

Năm 2017, chỉ số GII được tổng hợp từ 81 chỉ số (ít hơn 1 chỉ số so với năm 2016, do đã bỏ bớt một chỉ số về “Tổng giá trị cổ phiếu mua bán”) của 127 quốc gia, nền kinh tế (ít hơn 1 quốc gia so với năm 2016 do có 4 nước không đủ dữ liệu nên không được tham gia xếp hạng, đồng thời có 3 nước mới được bổ sung). Trong đó có 57 chỉ số là số liệu tổng kê, 19 chỉ số là số liệu tổng hợp từ nhiều chỉ số thành phần khác và 5 chỉ số là thu thập từ câu hỏi khảo sát ý kiến doanh nghiệp hoặc chuyên gia. Có 3 chỉ số được điều chỉnh tên gọi và phương pháp tính toán.

Về mặt địa lý, các quốc gia, nền kinh tế được chia nhóm theo 7 khu vực: Bắc Mỹ; châu Âu; Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương (Việt Nam được xếp vào khu vực này); Bắc Phi, Tây Á; châu Mỹ La tinh và Caribe; Trung Á và Nam Á; và hạ Sahara châu Phi. Theo mức thu nhập, các quốc gia, nền kinh tế được chia thành 4 nhóm: Thu nhập cao, thu nhập trung bình cao, thu nhập trung bình thấp (gồm 27 nước, Việt Nam thuộc nhóm này), thu nhập thấp.

Ở bảng xếp hạng chung, ba

vị trí dẫn đầu là Thụy Sĩ, Thụy Điển và Hà Lan, trong đó Thụy Sĩ và Thụy Điển vẫn giữ vững vị trí thứ nhất và thứ hai trong bảng xếp hạng như năm 2016. Từ năm 2016, Trung Quốc là nước nhóm thu nhập trung bình cao duy nhất nằm trong nhóm 25 nước dẫn đầu về GII; đến 2017, Trung Quốc xếp hạng 22. Ở nhóm thu nhập trung bình thấp, Việt Nam giữ vị trí dẫn đầu trong khi năm 2016 đứng thứ ba.

Ở khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương (gồm 15 nước, trong đó có 10 nước thuộc khối ASEAN), Việt Nam xếp thứ 9 (năm 2016 xếp thứ 11). Báo cáo GII năm 2017 nhận định, *một nhóm các nước Đông Nam Á gồm Indonesia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam được xem như những “con hổ châu Á” mới nổi, tham gia ngày càng nhiều vào các chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, bao gồm một số ngành công nghệ cao. Các quốc gia này trở nên rất tích cực trong việc cải thiện năng lực ĐMST và trở thành những trường hợp điển hình trong việc sử dụng kết quả chỉ số GII, đối chiếu với các kết quả ĐMST đáng ghi nhận.*

Mục tiêu và kết quả về chỉ số ĐMST của Việt Nam năm 2017

Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP đặt mục tiêu: Đến năm 2020, các chỉ số ĐMST đạt trung bình trong khối ASEAN 5 (gồm 5 nước: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và Indonesia) và chỉ số ĐMST trung bình giai đoạn 2017-2020 xếp thứ 44. So với mục tiêu, năm 2017, trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương (gồm 15 nước), Việt Nam vươn lên xếp thứ 9 (tứ vị trí thứ 11); trong ASEAN, Việt

Nam vươn lên và đứng trên Thái Lan. Năm 2017, Việt Nam xếp hạng 47 trên 127 quốc gia, nền kinh tế, cải thiện 12 bậc so với xếp hạng năm 2016. Đây là thứ hạng cao nhất mà Việt Nam từng đạt được từ trước tới nay. Nếu tiếp tục duy trì những chỉ số có mức tăng thứ hạng mạnh và cải thiện một số chỉ số còn ở thứ hạng thấp thì mục tiêu của cả giai đoạn 2017-2020 có thể sẽ được hoàn thành.

Trong các chỉ số đầu vào ĐMST của Việt Nam, có thể thấy việc tăng thứ hạng đáng kể ở các: Trụ cột 1 - Thể chế (từ 93 lên 87), trong đó nhóm chỉ số “Môi trường chính trị” tăng 6 bậc, “Môi trường pháp lý” tăng 3 bậc và “Môi trường kinh doanh” tăng 3 bậc; Trụ cột 2 - Nguồn nhân lực và nghiên cứu (từ 74 lên 70), trong đó nhóm chỉ số “Giáo dục” tăng 2 bậc, nhóm chỉ số “Nghiên cứu và phát triển” tăng 19 bậc; Trụ cột 3 - Cơ sở hạ tầng (từ 90 lên 77), trong đó nhóm chỉ số “Công nghệ thông tin” tăng 7 bậc, nhóm chỉ số “Cơ sở hạ tầng chung” tăng 13 bậc, nhóm chỉ số “Bền vững sinh thái” tăng 2 bậc; Trụ cột 4 - Trình độ phát triển thị trường (từ 64 lên 34), trong đó nhóm chỉ số “Tín dụng” tăng 31 bậc (xếp thứ 17 trong số 127 nước được xếp hạng), nhóm chỉ số “Đầu tư” tăng 16 bậc, nhóm chỉ số “Thương mại, cạnh tranh và quy mô thị trường” tăng 3 bậc.

Nhóm chỉ số đầu ra ĐMST tăng 4 bậc, chủ yếu ở Trụ cột 6 - Sản phẩm kiến thức và công nghệ (tăng hạng từ 39 lên 28). Trong đó, nhóm chỉ số “Sáng tạo tri thức” tăng 7 bậc; nhóm chỉ số “Tác động của tri thức” tăng 20 bậc (xếp thứ 5 trong số

■ Chính sách và quản lý

127 nước được xếp hạng), trong nhóm này, chỉ số “Tốc độ tăng năng suất lao động” (GDP/người lao động) của Việt Nam dẫn đầu trên toàn bộ 127 nước và vùng lãnh thổ (năm 2016 xếp hạng 10); nhóm chỉ số “Lan tỏa tri thức” tăng 1 bậc.

Bên cạnh việc tăng thứ hạng, một số chỉ số có sự sụt giảm so với năm 2016: Trụ cột 2 - Nguồn nhân lực và nghiên cứu có nhóm chỉ số “Giáo dục đại học” giảm 2 bậc (trong đó chỉ số về tỷ lệ tuyển sinh đại học giảm 6 bậc); Trụ cột 5 - Trình độ phát triển của kinh doanh giảm 1 bậc, trong đó nhóm chỉ số “Lao động có kiến thức” giảm 9 bậc (chỉ số “Doanh nghiệp có hoạt động đào tạo chính thức” giảm 38 bậc); nhóm chỉ số “Liên kết ĐMST” tăng 1 bậc, nhưng chỉ số về “Số thương vụ liên doanh liên kết chiến lược” giảm 23 bậc.

Năm 2017, Việt Nam được đánh giá có thể mạnh trong một số nhóm chỉ số và chỉ số cụ thể như sau:

Trong trụ cột đầu ra kiến thức và công nghệ (xếp thứ 28, tăng 11 bậc so với năm 2016): Việt Nam có thể mạnh về nhóm chỉ số “Tác động của tri thức”, xếp thứ 5 (tăng 20 bậc so với năm 2016), trong đó chỉ số tốc độ tăng trưởng năng suất lao động xếp thứ nhất; nhóm chỉ số “Lan tỏa tri thức”, xếp thứ 19, trong đó chỉ số xuất khẩu công nghệ cao xếp thứ 4.

Trong trụ cột trình độ phát triển của thị trường, Việt Nam mạnh ở nhóm chỉ số “tín dụng”, xếp thứ 17 với 2 chỉ số là “Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân” xếp thứ 22 và “Tổng tín dụng của các tổ chức tài chính vi mô” xếp thứ 12.

Trong trụ cột trình độ phát triển của kinh doanh, Việt Nam có thể mạnh về nhóm chỉ số “Hấp thu tri thức” xếp thứ 23, trong đó 2 chỉ số thành phần mạnh là “Nhập khẩu công nghệ cao” xếp thứ 3 và chỉ số “Đầu tư trực tiếp nước ngoài” xếp thứ 26.

Trong trụ cột sản phẩm sáng tạo, với thứ hạng 52, Việt Nam có thể mạnh về 2 chỉ số là “Đăng ký nhãn hiệu tính theo nhóm sản phẩm có nguồn gốc Việt Nam” xếp thứ 20 và chỉ số “Xuất khẩu sản phẩm sáng tạo” xếp thứ 7.

Ngoài các điểm mạnh, Việt Nam có một số điểm yếu như: Chỉ số “Môi trường kinh doanh” xếp thứ 113 và chỉ số “Mức độ thuận lợi trong nộp thuế” xếp thứ 115 (trụ cột Thể chế, xếp thứ 87); chỉ số về “Các công ty nghiên cứu và phát triển toàn cầu” xếp thứ 43 (không có công ty nghiên cứu và phát triển toàn cầu nào) và chỉ số xếp hạng QS ở các trường đại học (không có trường đại học nào được xếp hạng) xếp thứ 75 (trụ cột Nguồn nhân lực và nghiên cứu xếp thứ 70); chỉ số tuyển dụng trong các dịch vụ thâm dụng tri thức xếp thứ 94 và chỉ số nhập khẩu dịch vụ ICT xếp thứ 123 (trụ cột Trình độ phát triển của kinh doanh xếp thứ 73); chỉ số đơn đăng ký quốc tế sáng chế theo hệ thống PCT xếp thứ 100 và chỉ số xuất khẩu dịch vụ ICT xếp thứ 122 (trụ cột Đầu ra kiến thức và công nghệ).

Một vài nhận xét

Việt Nam xếp hạng 47/127 quốc gia, nền kinh tế về chỉ số ĐMST là kết quả chung của cả một quá trình phát triển trong những năm qua, trong đó cả hệ thống chính trị đã vào cuộc quyết

liệt nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực ĐMST của Việt Nam. Mặc dù chỉ số đầu vào ĐMST của Việt Nam xếp hạng cao hơn đầu ra, nhưng năm 2017, chỉ số đầu vào đã có sự tăng bậc đáng kể so với năm 2016. Điều này càng thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ liên chính trong việc cam kết xây dựng một Chính phủ liên chính, kiến tạo, hành động và phục vụ.

Để tiếp tục cải thiện các chỉ số ĐMST đầu vào, trước hết cần huy động được các nguồn lực của toàn xã hội đầu tư cho KH&CN, đặc biệt là đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN. Đây là một yếu tố đầu vào quan trọng, tác động đến nhiều yếu tố đầu vào và đầu ra khác. Cần tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh. Doanh nghiệp sẽ không có động lực đầu tư cho đổi mới công nghệ khi không có áp lực của thị trường hoặc khi họ còn có thể tồn tại trên thị trường mà không cần thực hiện đổi mới công nghệ. Ngoài áp lực thị trường, nhận thức của doanh nghiệp về đổi mới công nghệ cũng như năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ mới của doanh nghiệp cũng là các yếu tố quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, góp phần cải thiện tiểu chỉ số ĐMST đầu vào. Bên cạnh đó cũng cần tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, trong đó vốn đầu tư mạo hiểm là một trong những yếu tố quan trọng của chỉ số đầu vào trong GII 